TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-ST
Ngày: 14/10/2019
" Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Mai Văn Khánh.

***Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Chau Khiêng Sóc.

- Ông Hồ Văn Dũng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Neáng Ly.

Ngày 14/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 218/2019 ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 14, khóm T, thị trấn C, huyện Tri Tôn, An Giang, có ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978, tổ 14, khóm T, thị trấn C, huyện Tri Tôn, An Giang.

Bị đơn:

- Ông Trịnh Văn Nh, sinh năm 1971;

- Bà Nguyễn Thị U; sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp V, xã Gi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyên Văn H trình bày:

Vào đầu năm 2017, ông và bà Ph có bán phân thuốc vật tư nông nghiệp cho vợ cH ông Trịnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị U với tổng số tiền 146.532.000 đồng. Đến ngày 15/5/2017 thì vợ cH ông và vợ cH ông Nh, bà U kết sổ lại và ông Nh, bà U có làm giấy biên nhận nợ tổng số tiền 146.532.000 đồng ông Nh, bà U có ký tên, điểm chỉ xác nhận nợ. Ông Nh, bà U cam kết đến ngày 15/10/2017 ông, bà trả một lần số tiền nêu trên, tuy nhiên ông nhiều lần đến nhà gặp trực tiếp ông Nh và bà U yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng ông Nh, bà U hứa trả, nhưng không thực hiện.

Nay ông yêu cầu tòa án buộc ông Trịnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị U trả một lần số tiền 146.532.000 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi hai ngàn đồng)* ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trịnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị U đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập ông Nh, bà U đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nh, bà U vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán để án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử*: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Trịnh Văn Nh, bà Nguyễn Thị U trả số tiền 146.532.000 đồng cho bà Phạm Thị Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Ph khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Trịnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị U, ông Nh, bà U cư trú: Tổ 11, ấp V, xã Gi, huyện Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông Nh, bà U. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nh, bà U vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Ph và bị đơn ông Trịnh Văn Nh, bà Nguyễn Thị U là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ph yêu cầu ông Trịnh Văn Nh, bà Nguyễn Thị U trả số tiền 146.532.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chứng cứ mà bà Ph cung cấp là giấy nhận nợ ngày 15/5/2017 đồng thời có thể hiện số tiền 146.532.000 đồng nợ và có sự xác nhận ký tên, điểm chỉ của ông Nh và bà U.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nh, bà U, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Nh, bà U vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập ông Nh, bà U đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nh, bà U vắng mặt không lý do.

Việc ông Nh, bà U vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết.

Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Nh, bà U có mua vật tư nông nghiệp của bà Ph còn nợ số tiền 146.532.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó ông Phương khởi kiện yêu cầu ông Nh, bà U trả số tiền 146.532.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ph khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nh, bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 430, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ph.

Buộc ông Trịnh Văn Nh, bà Nguyễn Thị U trả cho trả cho bà Phạm Thị Ph số tiền 146.532.000 đồng (*Một trăm bôn mươi sau triệu năm trăm ba mươi hai ngàn đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Văn Nh và bà bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí số tiền 7.326.000 đồng *(Bảy triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng).*

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.663.000 đồng *(Ba triệu sau trăm sáu mươi ba ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số: TU/2016/0001901 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh